TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 355 /2018/QĐST-HNGĐ

HC, ngày 13 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 326/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Bà **Võ Thị Thu Th** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: 54 đường N, quận HC, TP Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Đức T** - sinh năm 1973.

Địa chỉ: 54 đường N, quận HC, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Thu Th và ông Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường H, quận HC, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 54 đường N, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống gia đình, không tin tưởng và chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống, công việc. Vợ chồng thường xuyên cải vã, không còn quan tâm và yêu thương nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Vợ chồng cũng đã cho nhau cơ hội sửa sai, hàn gắn nhiều lần nhưng cũng không thể khắc phục nên đề nghị Toà án công nhậ n việ c thuậ n tình ly hôn

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông T

và bà Th là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông T và bà Th.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/12/2004 và Nguyễn Đình Đ; sinh ngày 07/4/2006. Ly hôn, bà Th sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung trên và ông T không cấp dưỡng nuôi con

[3] - Về tài sản chung : Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất vợ chồng không có nợ chung

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Đức T** và bà **Võ Thị Thu Th** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/12/2004 và Nguyễn Đình Đ; sinh ngày 07/4/2006. Ly hôn, bà Võ Thị Thu Th sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và ông Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung : Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Võ Thị Thu Th thống nhất vợ chồng không có nợ chung

2. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông T và bà Th phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0006616 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Ông T và bà Th đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSNDQ. HC.
- CCTHADSQ. HC
-UBNDphường H ;
- Lưu hồ sơ

Hà Thị Thanh Nga